

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2018
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vương
Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm: 1989.

Trú tại: Tổ 5, ấp 1A, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:*

Chị T và anh P sau thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Nơ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 1 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường hay xảy ra tranh cãi, không còn tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thành P

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Công Vinh, sinh ngày 30/4/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chị T cung cấp là bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung và đơn xác nhận nơi cư trú của anh Nguyễn Thành P.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập để tham gia phiên họp nhưng anh Nguyễn Thành P không có mặt tại Tòa án, không đưa ra ý kiến của mình đối với nội dung khởi kiện của chị Mai Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và bị đơn vì mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, về tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có và không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, bảo vệ quyền và nghĩa vụ, nhưng anh P vẫn vắng mặt không tham gia. Tại phiên Tòa ngày hôm nay anh P vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Nơ huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2015. Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tính cách của hai người không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù Tòa án đã tổ chức hòa giải cho hai bên để giải quyết các mâu thuẫn nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Chị Mai Thị T vẫn nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn

nhân giữa chị T và anh P là có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Công V, sinh ngày 30/4/2016 khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy con chung giữa chị T và anh P còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh P không đưa ra ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao con chung cho chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, cần được chấp nhận. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn chị Mai Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, chị Mai Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên Tòa, ý kiến của đa diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Thành P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 040/HK quyển số 01/2015 ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Nơ, huyện H, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Công Vinh, sinh năm 2016 cho chị Mai Thị T trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Thành P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012371 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng